TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **17**/2026/HNGĐ - ST Ngày 12 - 02 - 2026 V/v: Ly hôn và nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Sỹ Thắng

Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Minh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 201/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/01/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị V, sinh năm 1985 (có mặt)

Căn cước công dân số: 038185019372; ngày cấp: 10/6/2025

ĐKHKTT: Thôn H, xã Q, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Lê Hữu T, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Căn cước công dân số: 038081033736; ngày cấp: 10/02/2022

ĐKHKTT: Thôn H, xã Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 22/12/2025, bản tự khai ngày 26/12/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đào Thị V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Hữu T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2006 tại UBND xã L, huyện X, tỉnh Thanh Hóa nay là UBND xã Q, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh T thường xuyên rượu chè, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Hữu T.

- Về con chung: Chị V và anh T có 1 con chung là Lê Hữu M, sinh ngày 13/3/2009. Nguyện vọng của chị V khi ly hôn xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 20/01/2006 bị đơn anh Lê Hữu T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đào Thị V có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện X, tỉnh Thanh Hóa nay là UBND xã Q, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 53/2006 ngày 27/12/2006. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường, đến cuối năm 2009 anh bị tai nạn giao thông, dẫn đến sức khỏe yếu, tay bên phải bị liệt hoàn toàn, không cử động được, gặp khó khăn trong sinh hoạt hàng ngày. Sau khi anh bị tai nạn, chị V đi làm ăn ở Hà Nội, thỉnh thoảng về thăm gia đình. Đến năm 2023 chị V đem con về nhà ngoại ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến anh và gia đình nhà chồng. Nay chị V xin ly hôn anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Lê Hữu M, sinh ngày 13/3/2009. Hiện nay con đang ở với chị V và gia đình bên ngoại. Do điều kiện sức khỏe cũng như theo nguyện vọng của chị V xin được nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh cũng đồng ý cho con ở với mẹ, để con có điều kiện chăm sóc và học tập tốt hơn.

- Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Chị Đào Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hữu T. Về con chung: Chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Lê Hữu T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt anh T không thay đổi bổ sung ý kiến gì thêm.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị V được ly hôn anh T.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Hữu M, sinh ngày 13/3/2009 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị V và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Lê Hữu T có địa chỉ thường trú tại thôn H, xã Q, tỉnh Thanh Hóa nên chị Đào Thị V yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa giải quyết ly hôn và nuôi con là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Lê Hữu T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đào Thị V và anh Lê Hữu T dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên xảy ra cãi nhau. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị V và anh T

đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Chị V xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hòa giải đoàn tụ nên chị vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn. Về phía anh T cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị V. Xét thấy chị V và anh T đã sống ly thân, đời sống chung của vợ chồng đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị V được ly hôn anh T là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị V và anh T có 1 con chung là Lê Hữu M, sinh ngày 13/3/2009. Khi ly hôn chị V có nguyện vọng nuôi cháu Thành, anh T cũng đồng ý giao cháu Thành cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay cháu Thành đang ở với chị V và cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi cho con phát triển về mọi mặt, phù hợp với nguyện vọng của các đương sự cần giao cháu Lê Hữu M cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị V và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Đào Thị V được ly hôn anh Lê Hữu T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hữu M, sinh ngày 13/3/2009 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Hữu T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị V và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đào Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ

(Ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp theo biên lai thu số 0004257 ngày 22/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận chị V đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà